

Giấc Mơ Hải Hùng

(Không Tránh Khỏi Số Mệnh)

Nguyễn Cảnh Nguyên, K20

Tiểu Đoàn 37 BĐQ thuộc Liên Đoàn 1 BĐQ, Quân Khu 1 (sau này đổi thành Liên Đoàn 12 BĐQ), đã đóng tại Căn Cứ Khe Sanh, một tiền đồn heo hút gió của vùng cực Bắc Việt Nam Cộng Hòa, thuộc Hương Hóa, Quảng Trị. Tiểu Đoàn đã cùng với Trung Đoàn 26 Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ làm nhiệm vụ trấn giữ khu vực trọng yếu này nhằm ngăn chặn Cộng Sản Bắc Việt chuyển quân, vũ khí, và lương thực từ Đường 9 Nam Lào vào Việt Nam Cộng Hòa.

Mở cuộc tấn công vào Khe Sanh, Cộng Sản Bắc Việt có ý định biến nơi đây thành một Điện Biên Phủ thứ hai, mà chúng thường rêu rao là đã dùng tới 50.000 quân tinh nhuệ, cùng đại pháo và thiết giáp.

Ý định của Cộng Sản không nằm ngoài ước đoán của Hoa Kỳ. Quân Đội Mỹ quyết định phá vỡ kế hoạch bao vây căn cứ Khe Sanh bằng cách không kích vào các vị trí đóng quân của chúng. Hàng trăm máy bay oanh tạc ngày đêm đã san bằng các giao thông hào địa đạo, phá hủy hàng trăm vị trí của Cộng Sản Bắc Việt. Giấc mơ của Võ Nguyên Giáp, tên Đại Tướng Việt Cộng này, đã bị phá vỡ chỉ sau năm ngày cuối cùng của trận chiến.

Suốt hơn hai tháng, Tiểu Đoàn 37 BĐQ đã ngày đêm chịu đựng nhiều cuộc tấn công biển người vào phòng tuyến, cũng như bị pháo kích liên tục vào căn cứ, từ súng cối 82 ly đến đại bác 130 ly, hay hỏa tiễn 122 ly. Mặc dù bị tổn thất không nhỏ, Tiểu Đoàn vẫn anh dũng chống trả, đẩy lui các đợt tấn công, giữ vững phòng tuyến.

Mặt trận lắng dịu, rồi chấm dứt khi Cộng Sản Bắc Việt rút lui, sau khi bị tổn thất rất nặng nề. Giờ đây, những người lính chiến của Tiểu Đoàn 37 BĐQ đã có những giây phút an bình ngồi trên giao thông hào mà không còn sợ bị pháo kích hay bắn tỉa. Sau hơn 70 ngày, lúc nào cũng sẵn sàng đánh trả những đợt tấn công của địch, họ đã luôn phải sống và sinh hoạt dưới giao thông hào.

Đúng như lời hứa của Trung Tướng Hoàng Xuân Lãm, Tư Lệnh Quân Đoàn I và Quân Khu 1 đã nói:

- Tiểu Đoàn 37 BĐQ sẽ được trả về, sau khi hoàn tất nhiệm vụ tại căn cứ Khe Sanh.

Tùng chiếc C123 đã từ từ hạ cánh xuống phi đạo của căn cứ. Những người lính chiến của Tiểu Đoàn 37 BĐQ đã vội vã lên phi cơ với niềm vui vô hạn, cùng với niềm hãnh diện sau những ngày tháng chịu đựng thử thách tại căn cứ. Giờ đây họ được trở về thành phố Đà Nẵng thân yêu với hình hài của người tiền sử. Râu tóc, thân hình dơ bẩn của họ nhuốm toàn màu đất đỏ của núi rừng Quảng Trị, vì họ đã gần như không tắm rửa sau một thời gian rất dài. Nước trong căn cứ còn không đủ để nấu nướng lấy đâu ra mà dùng, nên nếu có một tí để lau mình đã là quý lắm rồi.

Cùng thời gian này, các trận đánh lớn, trong biển cỏ Mậu Thân, đã xảy ra trên hầu hết các thành phố tại Miền Nam. Bị cắt đứt liên lạc khi các trận đánh tại Khe Sanh bắt đầu, họ không biết gì thêm về số phận của gia đình đang sinh sống tại hậu phương. Gia đình của họ ra sao, có còn an toàn hay không? Đây là điều nói lên sức mạnh của những người chiến

sĩ Tiểu Đoàn 37 BĐQ, đã chịu đựng cả sức nặng về thể chất lẫn tinh thần khi hy sinh tất cả cho trách nhiệm, nhiệm vụ.



Tác giả, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 69 BĐQ, đứng trước hàng quân tại Trà Bồng, Quảng Ngãi, năm 1974 (bên trái).

Giờ đây, sau nhiều ngày họ bị cắt đứt liên lạc, còn gì vui sướng hơn là được gặp lại người thân yêu nhất?

Để đáp trả những hy sinh và công trạng của họ, một buổi lễ thăng thưởng gắn huy chương cho tất cả chiến sĩ Tiểu Đoàn 37 BĐQ được tổ chức ngay tại Phú Lộc, Đà Nẵng, căn cứ của Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn 1 BĐQ, dưới sự chủ tọa của Trung Tướng Hoàng Xuân Lãm, Tư Lệnh Quân Đoàn I và Quân Khu 1. Hầu hết các quân nhân của Tiểu Đoàn 37 BĐQ được thăng một cấp. Dĩ nhiên, trong số đó có tôi, người viết bài này, lúc đó là Đại Đội Trưởng Đại Đội 4 Tiểu Đoàn 37 BĐQ đại diện tiểu đoàn, được gắn lon thăng cấp đại úy. Lúc đó tôi mới 23 tuổi.

Đơn vị được lệnh bổ sung quân số chờ lệnh. Như một hình thức dưỡng quân, Tiểu Đoàn được giao nhiệm vụ giữ an ninh vòng đai thành phố. Đại đội do tôi chỉ huy được giao trọng trách đóng quân tại xã Khuê Trung, Thành Phố Đà Nẵng để bảo vệ vòng đai của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I.

Đây là thời gian vô cùng thú vị sau những ngày tháng gian nan, vất vả tại Khe Sanh. Giờ đây chúng tôi có những giây phút thật thanh thản an bình bên ly cà phê đen, hay nhâm nhi vài chai bia cùng các bạn bè chiến hữu trong đơn vị, ngắm vài bóng hồng trong thành phố thân yêu trong bình yên. Mặc dầu tôi đang ở tuổi này, nhưng tôi vẫn chưa có một tí tình lật vặt. Một phần tôi cũng là loại anh chàng nhát gái; cũng như nghĩ đến hoàn cảnh chiến tranh của đất nước, tôi không muốn một ai đó phải nằm trong hoàn cảnh “Hồn Vọng Phu”.

Cộng Sản Bắc Việt không muốn để cho Miền Nam Việt Nam này một giây phút an bình nào cả. Những trái hỏa tiễn 122 ly bắt đầu bắn phá phi trường Đà Nẵng, vì thế Tiểu Đoàn 37 BĐQ được lệnh hành quân vào vùng Gò Nổi. Đây là một giải đất rộng lớn nằm bên kia dòng sông Thu Bồn, thuộc Quận Điện Bàn, Quảng Nam. Nơi đây đã trở thành khu oanh kích tự do của Không Quân vì Cộng Sản thường lợi dụng nơi này để pháo kích vào phi trường Đà Nẵng, cũng như Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I và Quân Khu 1.

Trước khi xuất phát vào ngày hôm sau, tôi lên Ban Chỉ Huy Tiểu Đoàn 37 BĐQ để họp và nhận phóng đồ hành quân. Trên đường trở về, tôi nghe tiếng depart của hỏa tiễn 122 bay ngang đầu. Thịnh linh một cảm giác lạnh toát chạy theo xương sống, hai hàm răng run lên cầm cập đánh vào nhau, tôi sợ hãi không thể nào kiềm chế được. Một cảm giác chưa từng xảy ra bao giờ, ngay cả khi phải đương đầu với đạn pháo kích và hỏa tiễn tại Khe Sanh của địch.

Không thể để binh sĩ dưới quyền thấy được hình ảnh này, tôi đã vội vã chạy vào nhà dân, xin phép cho vào phòng vệ sinh để trấn tĩnh. Trong đêm, tôi đã trải qua một giấc mơ hãi hùng, mà cả cuộc đời tôi không bao giờ quên được. Tôi đã thấy một cách rõ ràng là máu của tôi đang chảy xuống mặt, xuống toàn thân thể của tôi. Tất cả toàn là máu từ trong ra ngoài, từ đầu xuống chân. Khi thức giấc, toàn thân tôi rã rời, mệt mỏi và buồn rầu.

Tiểu Đoàn 37 BĐQ và 21 BĐQ thuộc Liên Đoàn 1 BĐQ cùng với một chi đoàn thiết vận xa từ Đà Nẵng theo Quốc Lộ 1, xuống Quận Điện Bàn, Quảng Nam, vượt sông Thu Bồn, tiến vào Vùng Gò Nổi, một địa danh thuộc lãnh thổ của Chi Khu Điện Bàn, Quảng Nam.

Trong ba ngày hành quân, hầu như đến đâu đơn vị cũng bị pháo kích hay tấn công quấy rối.

Đến ngày thứ tư, Tiểu Đoàn 37 được lệnh dừng chân, bố trí để nhận tiếp tế. Lúc này, Tiểu Đoàn 21 BĐQ và chi đoàn Thiết Vận Xa nằm cánh phải, cách Tiểu Đoàn khoảng 600 đến 700 m.

Những trực thăng mang lương thực từ từ hạ cánh, trong khi đó trên bầu trời luôn luôn có trực thăng bao vùng bắn yểm trợ. Khi đó tôi đang đi quanh khu vực đóng quân của Ban Chỉ Huy Tiểu Đoàn 37 BĐQ vì Đại Đội 4 của tôi có nhiệm vụ bảo vệ tiểu đoàn. Tôi chợt nghe tiếng kêu:

- “Nguyên, anh lại đây!”

Quay lại, tôi mới biết đó là tiếng gọi của Niên Trưởng Nguyễn Văn Huy, thuộc Khóa 16 Võ Bị. Ông vừa từ Liên Đoàn 4, Vùng 4 Chiến Thuật, mới chuyển về đây để nhậm chức Liên Đoàn Phó Liên Đoàn 1 BĐQ. Nay Thiếu Tá Hoàng Phổ đi phép nên ông tạm thời thay thế. Tôi từ từ bước lại gặp ông. Ông nói:

- Vợ tôi vừa tiếp tế cho tôi hai trái táo. Tôi khoái anh lắm. Tôi một, anh một trái.

Vừa cầm trái táo cắn một miếng thì ông ta liền phán một câu:

- Ở Vùng 4, tôi khoái người nào thì người đó không chết, cũng bị thương.

Nghe câu nói của ông niên trưởng, tôi ghen hợm, sững sờ. Tôi bèn trả lời theo phản ứng tự nhiên:

- Thương mà để chết, hay bị thương thì thương làm gì?

Có lẽ thấy lời nói của mình hơi quá đáng, nên ông niên trưởng bèn nói:

- Xin lỗi, tôi chỉ đùa thôi.

Lúc đó hình ảnh giấc mơ đã trở lại ám ảnh tôi. Thành linh, tôi nghe một tiếng “bốp” rớt xuống đầu. Phản ứng tự nhiên là tôi đưa tay lên che. Tôi có một thói quen là khi đi hành quân không bao giờ đội nón sắt, vì không thấy thoải mái khi chỉ huy. Tôi sờ thấy một cục u, trong khi nhìn xuống thì thấy một vỏ đạn dưới đất.

Cũng may cho tôi, những vỏ đạn rơi từ những chiếc trực thăng bao vùng, trước khi rơi vào đầu tôi đã chạm vào một nhánh cây, vì vùng hành quân nơi đây có rất nhiều cây cao. Có lẽ nhờ thế, vỏ đạn đã giảm tốc độ trước khi rơi trúng đầu tôi. Nếu không như vậy, đầu tôi đã bị lủng rồi.

Rờ cục u trên đầu, tôi thấy thoải mái yên tâm, như là đã gỡ được mối lo từ giấc mơ. Có lẽ chỉ như thế này thôi, đầu có ghê gớm như giấc mơ mình đã thấy. Suy nghĩ của tôi đã bị cắt đứt vì những loạt đạn liên tục pháo kích vào tuyến đóng quân. Tôi vội vàng chạy về vị trí của đại đội. Tại Ban Chỉ Huy Tiểu Đoàn, Niên Trưởng Huy đã níu tôi lại và nói:

- Nguyên, nó đang pháo kích đó!

Tôi quay lại và nói:

- Nó đang tấn công tuyến đóng quân của tôi. Không có tôi, lính họ bỏ chạy thì sao?

Vừa về đến tuyến của đại đội, tôi vội nhảy xuống hố cá nhân, đầu có ngờ rằng đã có một binh sĩ đang đào hố cho tôi đứng ở dưới. Khi tôi đã đứng trên lưng anh với phân nửa người còn trên mặt đất thì một tiếng ầm vang lên, cát bụi mịt mù. Tôi chỉ thấy Hạ Sĩ Thành, người mang máy truyền tin C25 cho đại đội ngã bật xuống. Đồng thời một cảm giác mát lạnh như có một dòng nước đang chảy xuống mặt khiến mắt tôi mờ đi. Mấy tay vuốt, tôi thấy tay đầy máu, nhìn về tay trái

cũng toàn là máu. Tuy nhiên, tôi vẫn còn bình tĩnh đút tay vào trong ngực kiểm soát xem có máu không. Bắt đầu cảm thấy xây xẩm, tôi vội cầm ống liên hợp C25 gọi cho Thiếu Úy Tạ Minh Trung, Đại Đội Phó kiêm Trung Đội Trưởng Trung Đội 1, trước khi thiếp đi ngay:

- Anh lên đây thế tôi chỉ huy đại đội.

Tôi đã được tải thương về tiểu đoàn, băng bó và chích Vitamine K để cầm máu. Sau đó, Niên Trưởng Huy đã cho một tiểu đội di tản tôi qua tuyến của Tiểu Đoàn 21 BĐQ để tải thương. Lúc đó tình hình tại tiểu đoàn này vẫn bình thường.



Tiểu Đoàn 37 BĐQ năm 1968. tại Khe Sanh.

Trên đoạn đường di tản sang Tiểu Đoàn 21 BĐQ, nỗi lo âu nhứt của tôi là tôi bị đui một mắt. Vừa đến đây, người tôi gặp đầu tiên là Nguyễn Thanh Đức, bạn cùng khóa và cũng là một đại đội trưởng của Tiểu Đoàn 21 BĐQ. Tôi đã nói với Đức:

- Tao sợ mắt bị mù quá.

- Để tao xem nào.

Không nói không rằng, Đức bèn lột băng cứu thương ra xem, rồi nói.

- Không sao đâu. Mảnh đạn nằm trên mí mắt. Hên cho mày đấy.

Tôi nhắm mắt lại khi nỗi lo âu tan biến.

Khoảng hơn một tiếng sau, trục thăng đã đưa tôi về Bệnh Viện Duy Tân. Sau khi khám nghiệm, tôi mới biết các vết thương trên toàn thân thể của tôi đều do các mảnh đạn, cũng như sỏi đá văng vào. Tuy nhiên rất may mắn các vết thương không nguy hiểm đến tính mạng.

Về sau này, tôi mới biết ra một điều, người cứu mạng tôi là Hạ Sĩ Thành đứng trước mặt tôi khi tôi nhảy xuống hố. Hầu như thân thể của anh đã che chắn cho tôi.

55 năm trôi qua, tôi mới viết bài này như một lời tưởng nhớ đến anh Hạ Sĩ Thành. Thế mới biết rằng đã là định mệnh thì không thể tránh khỏi, và tôi tin ở sự sắp đặt của Thượng Đế.

Để kết luận bài viết này, tôi xin gửi đến các chiến hữu lời nói của Charlie Chaplin, mà người ta gọi ông là một vĩ nhân trong ngành Điện Ảnh Phim Âm ở Thế Kỷ 19-20, để các bạn chiêm nghiệm và an vui tuổi già.

Khi ở tuổi 88 trước khi qua đời, ông đã viết:

Tất cả chúng ta đều là du khách. Chúa là người đại diện phụ trách du lịch cho chúng ta, đã xác định lộ trình, đặt chỗ và nơi đến... Hãy tin tưởng vào Ngài và tận hưởng cuộc sống.

(We are all tourists. God is our travel agent who has already identified our routes, booking and destinations... Trust Him and enjoy life.)

NHÀ LÊ VỚI VỤ ÁN LÊ CHI VIÊN

Vi Vân, K20/1

Khi nói đến vụ án Lê Chi Viên, chúng ta ai cũng nghĩ ngay đến cái án oan nghiệt đổ xuống đầu quan Đại Thần Nguyễn Trãi với cái kết là “tru di tam tộc”, tổng cộng có 400 người bị rơi đầu ở pháp trường. Vị vua đã chết đi còn mang theo bao nhiêu oan hồn u uất của dòng họ Nguyễn Trãi là Lê Thái Tông, vị vua thứ hai của thời Hậu Lê (hay gọi là triều Lê Sơ).

NGUYỄN TRÃI (1380 – 1442)

Nguyễn Trãi hiệu làỨc Trai sinh năm 1380 quê ở Chí Linh, Hải Dương sau dời về Nhị Khê, Thường Tín, Hà Tây. Cha là Nguyễn Phi Khanh, mẹ là Trần Thị (con quan Tư Đồ Trần Nguyên Đán).

Nguyễn Trãi có hai vợ và hai thiếp:

- a- Vợ cả là Trần Thị, có 3 con trai: Khúc, Ứng, Phù.
- b- Vợ hai là Phùng Thị, có 2 trai (Bản và Tích) 2 gái (Trà và Lương).
- c- Thiếp đầu là Phạm Thị (đang mang bầu Anh Vũ).
- d- Thiếp hai là Nguyễn Thị Lộ (thuộc gia đình nho học, giỏi văn chương, lại thêm nghề phụ là bán chiếu gòn. Nhờ đi bán

chiếu mà gặp được Nguyễn Trãi. Tương truyền rằng Thị Lộ ngoài tài văn chương xuất chúng còn có nhan sắc ẻo lả, quyến rũ nên là mối họa cho gia tộc Nguyễn Trãi sau này).

NGƯỢC DÒNG LỊCH SỬ:

Sau khi cha con Hồ Quý Ly bị giặc Minh tiêu diệt, nhà Minh đặt ách thống trị nước ta thì khắp nơi các cuộc khởi nghĩa nổi lên, mong đánh đuổi quân xâm lược ra khỏi nước. Trong các cuộc khởi nghĩa đó có hai nhóm chính là cuộc khởi nghĩa ở Lam Sơn do Lê Lợi làm chủ soái và nhóm ở vùng Tam Đảo do Trần Nguyên Hãn *(cháu Trần Nguyên Đán, hậu duệ của Trần Quang Khải) cầm đầu.



*Ông Nguyễn Trãi
(1380 - 1442)*

Lúc đầu Nguyễn Trãi kháng chiến cùng Trần Nguyên Hãn (mẹ Nguyễn Trãi và cha của Trần Nguyên Hãn đều là con của Trần Nguyên Đán). Thấy thế lực của Lê Lợi mạnh hơn và địa thế Lam Sơn thuận lợi cho việc kháng chiến nên Nguyễn Trãi khuyên Trần Nguyên Hãn và Phạm Văn Xảo mang 200 quân và ngựa chiến về hội tụ với nghĩa quân Lam Sơn. Lúc này Lê Lợi mới có 635 quân. Trong thời gian 10 năm nằm gai mền mật gian khổ để giành được độc lập dưới trướng Lê Lợi, công lao của Nguyễn Trãi kể sao cho xiết. Nào là việc ông dùng mỡ viết lên lá cây hàng chữ “Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần”. Khi những con kiến ăn mỡ thủng lá cây, hiện chữ ra. Dân chúng cho là điềm trời ban xuống nên ùn ùn theo ủng hộ Lê Lợi. Nguyễn Trãi là người đưa kế hoạch, kế sách cho nghĩa quân Lam Sơn giành thắng lợi.

Ông là nhà chính trị, nhà văn hóa lớn, giúp Lê Lợi bình

loạn, sau này giúp Thái Tông chỉnh trang việc nước. Tác phẩm của ông như Địa Dư Chí, Bình Ngô Đại Cáo và nhiều tác phẩm khác còn lưu truyền cho đến ngày nay dù văn chương của ông đã bị Thái Hậu Nguyễn Thị Anh hủy hoại và thất lạc rất nhiều.

NHÀ LÊ:

1- LÊ THÁI TỔ (1428 - 1433)

Khi Lê Lợi mới đánh đuổi giặc Minh, bình định đất nước thì Nguyễn Trãi được phong tước quan Phục Hầu với chức danh đầy đủ là "Tuyên Phụng Đại Phu Nhập Nội Hành Khiển Môn Hạ Hầu Giám Nghị Đại Phu Đồng Trung Tư Lịnh Thượng Hộ Quốc Quan Phục Hầu". Còn Trần Nguyên Hãn được phong Tả Tướng Quốc, đứng đầu hàng võ.

Tháng 4 năm Mậu Thân 1428, Lê Lợi chính thức lên ngôi niên hiệu là Lê Thái Tổ. Tuy Nguyễn Trãi là khai quốc công thần nhưng đến thời bình thì trong chính trường nhà Lê công danh ông lúc lên lúc xuống vì bất đồng quan điểm với một số đại thần. Khi còn trong kháng chiến chức vụ của Nguyễn Trãi là Thượng Thư Bộ Lại Nhập Nội Hành Khiển (Tể Tướng), nhưng đến khi thái bình thì chức vụ ông còn dưới bậc của Lê Ngân và Lê Sát. Lê Thái Tổ nghi ngờ phe Trần Nguyên Hãn có dã tâm khôi phục nhà Trần. Hơn nữa nhà Minh có ý muốn con cháu nhà Trần làm quốc vương nên Lê Lợi càng dè dặt với những người có liên quan đến họ Trần. Năm 1429 một nhóm dân thiểu số ở Thái Nguyên và Phú Thọ nổi loạn. Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn, Phạm Văn Xảo bị tình nghi có dính líu đến hai vụ đó nên Trần Nguyên Hãn và Phạm Văn Xảo bị bức tử. Còn Nguyễn Trãi bị giam vào ngục một thời gian ngắn rồi bị đưa đi an trí tại chùa Tư Phúc ở Côn Sơn.

2- LÊ THÁI TÔNG (1434 – 1442)

Hoàng Tử Nguyên Long (Lê Thái Tông) lên nối ngôi sau khi Lê Thái Tổ mất. Lê Thái Tông lên ngôi mới 11 tuổi, không có Mẫu Hậu buông rèm nhiếp chính ** vẫn tự mình điều hành

các công việc triều đình. Vua tư chất sáng suốt, tinh khôn, quyết đoán khi cầm quyền triều chính: Trong ngăn ngừa các quần thần lộng quyền, ngoài dẹp yên các thế lực mạnh động. Thái Tông lên ngôi còn quá trẻ lại phải đối đầu với tình hình triều chính khá phức tạp, với sự mâu thuẫn và chia rẽ do hai phía đối lập của triều đình. Một bên là các công thần khai quốc như Lê Sát, Lê Ngân; một bên là các quan lại có khoa bảng như Nguyễn Thiên Tích, Bùi Cầm Hổ...

Thái Tông rất xem trọng Nguyễn Trãi nên đã mời ông ra làm quan trở lại. Năm 1439, vua ban chức Vinh Lộc Đại Phu Nhập Nội Hành Khiển, Giám Nghị Đại Phu kiêm Hàn Lâm Học Sĩ, Tri Tam Quán Sư Đề Cử Côn Sơn Tư Phúc Tự. Người thiếp của Nguyễn Trãi là Nguyễn Thị Lộ có tài văn học xuất chúng được vua phong chức Nghi Lễ Học Sĩ, ngày đêm kề cận luận bàn văn chương, quốc sự cùng vua.

Ngày 27 tháng 7 năm 1442, vua Thái Tông đi tuần ở miền Đông, duyệt binh vùng núi Chí Linh nơi cư ngụ của Nguyễn Trãi. Ngày 4 tháng 8 Nguyễn Trãi đón vua về ngự ở Lệ Chi Viên (vườn nhãn), cùng đi với vua có Nguyễn Thị Lộ theo hầu. Vua thức suốt đêm hàn huyên cùng Thị Lộ rồi băng hà. Lúc này vua vừa tròn 20 tuổi. Triều đình quy cho Thị Lộ tội giết vua và Nguyễn Trãi bị “tru di tam tộc”. Sau đó Thái Tử Bang Cơ lên nối ngôi, tức Lê Nhân Tông.

Cái chết đột ngột của Lê Thái Tông là một biến cố quan trọng nhất trong thời nhà Lê đã kéo theo vụ án oan nghiệt cho họ Nguyễn mà đến nay vẫn còn nhiều ý kiến tranh luận về việc này.

Lê Thái Tông tuy mới 20 tuổi nhưng khi mất đã có 6 người vợ và 4 người con:

- Lê Ngọc Dao, con gái của Lê Sát.
- Lê Nhật Lệ, con gái của Lê Ngân.
- Dương Thị (mẹ của Nghi Dân).
- Bùi Quý Nhân (mẹ của Cung Vương Lê Khắc Xương).
- Nguyễn Thị Anh (mẹ của Bang Cơ).

- Ngô Thị Ngọc Dao (mẹ của Lê Tư Thành).

Trong các người vợ, Thái Tông rất yêu quý và nuông chiều Nguyễn Thị Anh. Thái Tông đã lập con trưởng Nghi Dân lên làm Thái Tử nhưng do lời dèm pha của Thị Anh nên vua đã cách chức Nghi Dân và lập Bang Cơ lên làm Thái Tử mới hai tuổi. Theo luật lệ ở hậu cung, các phi tần khi được vua sủng hạnh phải do các hoạn quan (thái giám) ghi rõ ngày, tháng. Hai hoạn quan là Đinh Phúc, Đinh Thắng hé lộ tin với Nguyễn Trãi là mẹ của Bang Cơ sinh ra ông khi có 6 tháng mang thai. (Bà này đã tư thông với anh họ là Lê Nguyên Sơn, hiện giữ chức Thượng Thư Bộ Hình.) Sau này khi bà phi Ngô Thị Ngọc Dao mang bầu Tư Thành, Thị Anh sợ con mất ngôi nên vu khống tội trạng vô cớ để Thái Tông giết Ngọc Dao. Nguyễn Trãi và Thị Lộ hết lòng bảo vệ, xin vua tha cho bà và hai người đem Ngọc Dao trốn tránh ở chùa Huy Văn (phố Hàng Bột-Hà Nội) rồi bà sinh ra Lê Tư Thành.

Nguyễn Thị Anh vì sợ chuyện mình sinh con sớm đến tai Thái Tông. Bà cũng đã xem vợ chồng Nguyễn Trãi là cái gai trong mắt vì chuyện của Ngọc Dao và hai hoạn quan đã cho Nguyễn Trãi biết bí mật của Bang Cơ nên bà quyết tâm trừ khử Nguyễn Trãi. Có dư luận đồn rằng chính Thị Anh là kẻ cho người giết Thái Tông để giấu bí mật của bà và bảo toàn ngai cho con trai mình. Sau khi diệt dòng họ Nguyễn Trãi, Thị Anh cũng giết luôn Đinh Thắng và Đinh Phúc. Trước đó quan đại thần Đinh Liệt có một bài thơ gửi cho Nguyễn Trãi, trong có câu:

*“Nhân Tông sáu tháng đã sinh ra,
Dòng máu ai đây quý hóa a?..”*

Nhưng Đinh Liệt chỉ bị giam vào ngục một thời gian rồi được thả ra vì mẹ ông là chị của Lê Lợi.

Về cái chết đột ngột của Thái Tông các sách sử có vài ý kiến khác nhau:

Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư: “...vua thức suốt đêm với

Thị Lộ rời mắt...”

Theo Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục: “... nhà vua bị sốt rét, Thị Lộ và Trịnh Khả chăm sóc suốt đêm, rời vua băng...”

Theo Lịch Triều Hiến Chương: “... Năm 1442 Nguyễn Trãi và Thị Lộ vào châu vua rồi dùng độc dược giết vua...”

Một số sử gia đã nhận xét rằng Thái Tông là vị vua tài giỏi, thông minh trí tuệ, quyết đoán. Bên trong vua ức chế quyền thần, bên ngoài dẹp yên di địch thì không dễ gì bị đầu độc. Hơn nữa Nguyễn Trãi không có lý do gì để giết vua khi mà Lê Thái Tông trọng dụng ông hơn cả Lê Thái Tổ? Còn Thị Anh dù nắm quyền nhiếp chính (vì Nhân Tông còn nhỏ) nhưng cũng không thể một tay che trời khi tiêu diệt cả dòng họ của một công thần như Nguyễn Trãi, mà không có các quan đại thần đứng ra can gián? Phía sau vụ án có lẽ dính líu đến vấn đề chính trị hơn là tội giết vua của vợ chồng Nguyễn Trãi. Từ thời Lê Lợi, sau khi thái bình vua đã có ý nghi ngờ và không trọng dụng Nguyễn Trãi như lúc còn kháng Minh. Dòng họ ngoại của Nguyễn Trãi thuộc tôn thất nhà Trần, ông lại là anh em họ của Trần Nguyên Hãn... Các cựu thần nhà Lê cũng có ý tiêu diệt mầm mống khôi phục nhà Trần nên làm hậu thuẫn để cho Thị Anh giết cả ba họ nhà Nguyễn Trãi.

Nhắc lại ngày trước, khi Nguyễn Trãi gặp Thị Lộ nàng ta khoảng 16, 17 tuổi thôi, kém ông khoảng 30 tuổi nhưng nhan sắc và tài hoa của nàng khiến Nguyễn Trãi động lòng và thu nạp nàng làm thiếp. Khi vừa mới gặp Thị Lộ đi bán chiếu, Nguyễn Trãi buông lời trêu chọc:

- “*Ả ở đâu bán chiếu gon?
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn
Xuân xanh nay được bao nhiêu tuổi
Đã có chồng chưa, được mấy con?*”

Thị Lộ vốn văn tài xuất chúng nên đáp lại Nguyễn Trãi tức khác:

- *“Tôi ở Tây Hồ bán chiếu gon.
Cớ chi ông hỏi hết hay còn?
Xuân xanh nay được trắng tròn lẻ
Chồng còn chưa có, có chi con!*

Vào thời đó có câu chuyện được đồn đãi rằng Thị Lộ là hóa thân của một con rắn đến báo thù Nguyễn Trãi nên nàng ta mới tìm cách để đến gần ông.

Câu truyện loan truyền rằng khi Nguyễn Trãi về Côn Sơn, đất đai còn hoang vu, rừng rậm, ông sai học trò ngày mai ra chặt cây, dọn dẹp vườn tược. Đêm đó ông mơ thấy có một người đàn bà bụng mang thai đến xin ông cho hoãn lại việc dọn dẹp vườn cây, chờ khi bà ta sinh nở xong sẽ dọn đi. Hôm sau học trò báo với Nguyễn Trãi là trong lúc chặt cây dọn vườn đã làm chết một con rắn đang mang bầu. Ông giật mình nhớ lại giấc mơ nhưng đã trễ. Đêm đến khi ông đang ngồi đọc sách, nghe tiếng khe khẽ trên đầu, ông ngẩng nhìn lên thấy một con rắn đang há miệng nhỏ máu xuống sách ông đang đọc, máu thấm qua ba trang sách. Đó là điềm cho thấy sau này ba dòng họ của ông bị báo thù.

Nhiều người cho rằng đây là do tầng lớp nho sĩ thời bấy giờ đặt ra để huyền thoại hóa thảm kịch gia đình Nguyễn Trãi. Câu chuyện có vẻ hoang đường và thậm chí còn xuyên tạc hình ảnh Nguyễn Thị Lộ là một nhân vật tài hoa rất được Thái Tông nể phục, cảm mến.

Các sử gia cho rằng Thị Lộ bị oan. Lúc băng hà Thái Tông chỉ mới 20 tuổi, trong cung có bao nhiêu phi tần, mỹ nữ son trẻ. Khi đó Thị Lộ đã gần 40 tuổi thì đối với vua chỉ là sự mến phục tài hoa mà thôi. Tuy nhiên vẫn có dư luận xuyên tạc rằng vua ham mê nhan sắc của Thị Lộ nên thường bắt nàng hầu hạ bên mình (???)

3- LÊ NHÂN TÔNG (1443 – 1459)

Thái Tử Bang Cơ lên ngôi mới hai tuổi. Thái Hậu Thị Anh (sau này được phong là Tuyên Từ Hoàng Thái Hậu) cầm

quyền nhiếp chính đến năm Nhân Tông 12 tuổi bà mới trả vương quyền cho con. Nhân Tông là vị vua thân sắc anh tuấn, đứng đắn, chuyên cần chính sự, siêng năng đọc sách. Vua tuy nhỏ tuổi nhưng biết thờ cúng Thái Miếu, hết lòng thương yêu anh em, hòa thuận họ hàng thân tộc, không gần nữ sắc. Ông vẫn cho rằng Thị Lộ là nguyên nhân cái chết của vua cha. Khi Nhân Tông đọc “Địa Dư Chí” ông khen, tiếc mãi người tài năng, khí tiết như Nguyễn Trãi. Một người tài ba, trung thành, giúp Lê Lợi dẹp loạn, giúp Thái Tông sửa sang việc nước... vậy mà vì một người đàn bà nên mắc tội, thật đáng thương.

4- LÊ THÁNH TÔNG (1460 – 1497)

Tuy Nhân Tông là vị vua sáng suốt, nhân từ nhưng vì không theo nguyên tắc dòng đích tử nên năm 1459 bị Lạng Sơn Vương Nghi Dân (là con trưởng của Thái Tông) lên vào cung giết vua cùng với Tuyên Từ Hoàng Thái Hậu. Nghi Dân làm vua được tám tháng thì bị các đại thần Nguyễn Xí, Đinh Liệt giết chết. Sau đó họ đón Lê Tư Thành (con trai thứ tư của Thái Tông đang ở ngoài cung) về nối ngôi tức Lê Thánh Tông.

Lên ngôi năm 18 tuổi, Thánh Tông sớm có tư chất đế vương, chăm chỉ học tập, đáng dấp đoan chính, thông tuệ hơn người. Có lẽ vì nhớ ơn Nguyễn Trãi từng cứu giúp mẹ mình là bà Ngô Thị Ngọc Dao nên Thánh Tông đã vinh danh Nguyễn Trãi với tác phẩm: “Lòng Úc Trai Sáng Tựa Sao Khuê”, ngụ ý ca ngợi lòng trung quân của Nguyễn Trãi sáng ngời như ánh Sao Khuê.

Thánh Tông cũng ban chiếu rửa oan cho Nguyễn Trãi. Ông còn sai Trần Khắc Kiem sưu tầm lại các tác phẩm thi văn của Nguyễn Trãi được hơn 100 bài. Đặc biệt Thánh Tông tìm tòi, phong thưởng cho con cháu Nguyễn Trãi. Vua còn lấy chất của Nguyễn Trãi là Nguyễn Thị Hằng làm vợ tức Trường Lạc Hoàng Hậu. Cha Hằng là Nguyễn Đức Trung được phong chức Điện Tiền Chỉ Huy Sứ (Nguyễn Đức Trung là con của Nguyễn Phù. Lúc gia tộc bị tru di, Phù đã chạy trốn lên Cao Bằng, sau

này sinh ra Trung.) Còn Nguyễn Anh Vũ được phong làm Tri Huyện đi sứ sang Tàu (Anh Vũ là con Phạm Thị. Khi gia tộc bị xử tử, bà đang mang thai Anh Vũ, đi chợ không có mặt ở nhà nên cũng thoát nạn). Như vậy nhờ Lê Thánh Tông mà huyết mạch của Nguyễn Trãi cũng không tuyệt hậu.

Thánh Tông được người đương thời nhận xét là vị vua tựa trời cao siêu, anh minh quyết đoán, có hùng tài vĩ lược, võ giỏi văn hay, cái gì cũng tinh thông. Ông lập ra hội “Tao Đàn Nhị Thập Bát Tú” gồm 28 vị Tiến Sĩ giỏi văn thơ và Lê Thánh Tông làm chủ soái. Thời vị vua này xuất hiện hai công trình biên soạn đáng kể là “Đại Việt Sử Ký Toàn Thư” và “Thiên Nam Du Hạ Tập”.

Tuy rửa oan cho Nguyễn Trãi nhưng Thánh Tông không nhắc đến Thị Lộ (phải chăng ông vẫn nghi ngờ tình cảm của Thái Tông và Thị Lộ). Sau này Thánh Tông có lẽ biết về cái chết bí ẩn của vua cha nhưng vì thể diện của triều đình, nội bộ hoàng tộc nên ông đành giữ kín (???). Vua trị vì được 38 năm và mất năm 56 tuổi.

Thánh Tông mất, truyền ngôi cho con là Lê Hiến Tông. Trước ánh hào quang, nổi bật của vua cha, Hiến Tông chẳng có gì xuất sắc ngoài việc ông hướng nhiều về Phật Giáo, xây dựng một số chùa chiền. Đến các đời vua kế tiếp càng bê bối hơn, thậm chí còn để lại cho đời nhiều tiếng nợ, tiếng xấu mà thời gian không thể tẩy xóa như những hành động tàn ác, dâm tà của vua Lợn, vua Quý.

CÁC ĐỜI VUA LÊ:

1. Lê Thái Tổ (1428 - 1433).
2. Lê Thái Tông (1434 – 1442).
3. Lê Nhân Tông (1443 – 1459).
4. Lê Thánh Tông (1460 – 1497).
5. Lê Hiến Tông (1497 - 1504).
6. Lê Túc Tông (1504 làm vua chỉ có 6 tháng).
7. Lê Uy Mục (1505 – 1509, còn gọi là Vua Quý).

8. Lê Tương Dực (1510 – 1516, còn gọi là Vua Lợn).

9. Lê Chiêu Tông (1516 – 1522).

10. Lê Cung Hoàng (1522 – 1527).

Nhà Lê từ Lê Thái Tổ năm 1428 đến Lê Cung Hoàng năm 1527 gồm 10 đời vua khoảng 100 năm tính từ thời Lê Lợi khởi binh xưng là Bình Định Vương. Đến đời Lê Cung Hoàng, quyền thần Mạc Đăng Dung giết vua và Hoàng Thái Hậu rồi cướp ngôi lập nên nhà Mạc, chấm dứt triều đại nhà Lê.

Cali Mùa Thu 2024.

** Trần Nguyên Hãn ở đây không phải là Thái Bảo Trần Nguyên Hãn đời nhà Trần đã bị Hồ Quý Ly giết chết cùng với Thượng Tướng Trần Khắc Chân, tổng cộng 370 người.*

*** Hoàng Tử Nguyên Long (Lê Thái Tông) lên ngôi còn nhỏ, không có mẫu hậu nhiếp chính vì mẹ là bà Phạm Thị đã mất lúc ông ba tuổi. Số là Lê Lợi khi còn trong kháng chiến có hôm nằm mơ thấy vị thần Phổ Hộ bảo:*

- “Người tặng cho ta một nàng thiếp, ta sẽ phù hộ cho người giành được giang sơn.”

Sáng hôm sau Lê Lợi gọi các bà vợ đến bảo rằng:

- “Ai chịu hy sinh đi cúng tế cho thần thì sau này ta sẽ cho con của nàng ấy làm hoàng đế.”

Phạm Thị tình nguyện đi và mong Lê Lợi chớ phụ con nàng. Sau này Lê Lợi định cho con trưởng là Lê Tư Tề làm vua, nhưng đêm đến nằm mơ thấy Phạm Thị về trách móc nên ông phải truyền ngôi cho Nguyên Long.

Bình Ngô Đại Cáo*

(*Bản dịch của Ngô Tất Tố*)

Thay trời hành hoá, hoàng thượng truyền rằng.

Tùng nghe:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,

Quân điếu phạt trước lo trừ bạo;

Như nước Đại Việt ta từ trước,

Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,

Núi sông bờ cõi đã chia,

Phong tục Bắc Nam cũng khác;

Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một
phương;

Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau,

Song hào kiệt thời nào cũng có.

Cho nên:

Lưu Cung tham công nên thất bại;

Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong;

Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô

Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã

Việc xưa xem xét, chứng cứ còn ghi.

Vừa rồi:

Nhân họ Hồ chính sự phiền hà

Đề trong nước lòng dân oán hận

Quân cuồng Minh thừa cơ gây hoạ
Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh
Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ
Dối trời lừa dân đủ muôn ngàn kế
Gây thù kết oán trải mấy mươi năm
Bại nhân nghĩa nát cả đất trời.
Nặng thuế khoá sạch không đầm núi.
Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc, ngán thay cá
mập thường luồng.

Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng, khốn nỗi rừng sâu nước
độc.

Vét sản vật, bắt dò chim trả, chốn chốn lưới chăng.
Nhiều nhân dân, bắt bẫy hươu đen, nơi nơi cạm đặt.
Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ,
Nheo nhóc thay kẻ goá bụa khốn cùng.
Thằng há miệng, đứa nhe răng, máu mỡ bấy no nê chưa
chán,

Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa?
Nặng nề những nỗi phu phen
Tan tác cả nghề canh cửi.
Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi!
Lẽ nào trời đất dung tha? Ai bảo thần dân chịu được?

Ta đây:

Núi Lam sơn dấy nghĩa
Chốn hoang dã nương mình
Ngẫm thù lớn há đội trời chung
Căm giặc nước thề không cùng sống
Đau lòng nhức óc, chốc đà mười mấy năm trời
Ném mật nằm gai, há phải một hai sớm tối.
Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh,
Ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ.
Nhưng trần trọc trong cơn mộng mị,

Chỉ bản khoản một nỗi đồ hồi
Vừa khi cờ nghĩa dấy lên,
Chính lúc quân thù đang mạnh.

Lại ngật vì:

Tuần kiệt như sao buổi sớm,
Nhân tài như lá mùa thu,
Việc bôn tẩu thiếu kẻ đỡ đàn,
Nơi duy ác hiểm người bàn bạc,
Tấm lòng cứu nước, vẫn dăm dăm muốn tiến về đông,
Cỗ xe cầu hiền, thường chăm chăm còn dành phía tả.

Thế mà:

Trông người, người càng vắng bóng, mịt mù như nhìn chốn
bể khơi.

Tự ta, ta phải dốc lòng, vội vã hơn cứu người chết đuối.

Phân vì giận quân thù ngang dọc,
Phân vì lo vận nước khó khăn,
Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần,
Lúc Khôi Huyện quân không một đội.

Trời thử lòng trao cho mệnh lớn

Ta gắng trí khắc phục gian nan.

Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp
phới

Tướng sĩ một lòng phụ tử, hoà nước sông chén rượu ngọt
ngào.

Thế trận xuất kỳ, lấy yếu chống mạnh,
Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều.

Trọn hay:

Dem đại nghĩa để thắng hung tàn,

Lấy chí nhân để thay cường bạo.

Trận Bò Đàng sấm vang chớp giạt,

Miền Trà Lân trúc chẻ tro bay.

Sĩ khí đã hăng

Quân thanh càng mạnh.

Trần Trí, Sơn Thọ nghe hơi mà mất vía,

Lý An, Phương Chính, nín thở cầu thoát thân.
Thừa thắng đuổi dài, Tây Kinh quân ta chiếm lại,
Tuyển binh tiến đánh, Đông Đô đất cũ thu về.
Ninh Kiều máu chảy thành sông, tanh trôi vạn dặm
Tốt Động thây chất đầy nội, nhơ để ngàn năm.
Phúc tâm quân giặc: Trần Hiệp đã phải bêu đầu
Mọt gian kẻ thù: Lý Lượng cũng đành bỏ mạng.
Vương Thông gỡ thế nguy, mà đám lửa cháy lại càng cháy
Mã Anh cứu trận đánh mà quân ta hăng lại càng hăng.
Bó tay để đợi bại vong, giặc đã trí cùng lực kiệt,
Chẳng đánh mà người chịu khuất, ta đây mưu phạt tâm
công.

Ngò đầu vẫn đương mưu tính lại còn chuốc tội gây oan.
Giữ ý kiến một người, gieo vạ cho bao nhiêu kẻ khác,
Tham công danh một lúc, để cười cho tất cả thế gian.

Bởi thế:

Thằng nhãi con Tuyên Đức động binh không ngừng
Đồ nhút nhát Thạnh, Thăng đem dầu chữa cháy
Đình mùi tháng Chín, Liễu Thăng đem binh từ Khâu Ôn
kéo lại

Năm ấy tháng Mười, Mộc Thạnh chia đường từ Vân Nam
tiến sang.

Ta trước đã điều binh thủ hiểm, chặt mũi tiên phong
Sau lại sai tướng chẹn đường, tuyệt nguồn lương thực
Ngày mười tháng tám, trận Chi Lăng, Liễu Thăng thất thế
Ngày hai mươi, trận Mã Yên, Liễu Thăng cụt đầu
Ngày hăm lăm, bá tước Lương Minh đại bại tử vong
Ngày hăm tám, thượng thư Lý Khánh cùng kẻ tự vẫn.
Thuận đà ta đưa lưỡi dao tung phá
Bí nước giặc quay mũi giáo đánh nhau
Lại thêm quân bốn mặt vây thành
Hẹn đến giữa tháng mười diệt giặc
Sĩ tốt kén người hùng hổ
Bê tôi chọn kẻ vuốt nanh

Gươm mài đá, đá núi cũng mòn
Voi uống nước, nước sông phải cạn.
Đánh một trận, sạch không kình ngạc
Đánh hai trận, tan tác chim muông.
Cơn gió to trút sạch lá khô,
Tổ kiến hồng sục toang đê vỡ.
Đô đốc Thôi Tụ lê gối dăng tờ tạ tội,
Thượng thư Hoàng Phúc trói tay để tự xin hàng.
Lạng Giang, Lạng Sơn, thân chất đầy đường
Xương Giang, Bình Than, máu trôi đỏ nước
Ghê gớm thay! Sắc phong vân phải đổi,
Thảm đạm thay! Ánh nhật nguyệt phải mờ
Bị ta chặn ở Lê Hoa, quân Vân Nam nghi ngờ khiếp vía mà
vỡ mặt!

Nghe Thăng thua ở Càn Trạm, quân Mộc Thạnh xéo lên
nhau chạy để thoát thân.

Suối Lãn Cầu, máu chảy trôi chày, nước sông nghẹn ngào
tiếng khóc

Thành Đan Xá, thân chất thành núi, cỏ nội đầm đìa máu
đen.

Cứu binh hai đạo tan tành, quay gót chẳng kịp,
Quân giặc các thành khốn đốn, cởi giáp ra hàng
Tướng giặc bị cầm tù, như hổ đói vẫy đuôi xin cứu mạng
Thần vũ chẳng giết hại, thể lòng trời ta mở đường hiếu sinh
Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra
đến biển mà vẫn hồn bay phách lạc,

Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến
nước mà vẫn tim đập chân run.

Họ đã tham sống sợ chết mà hoà hiếu thực lòng

Ta lấy toàn quân là hơn, để nhân dân nghỉ sức.

Chẳng những mưu kế kì diệu

Cũng là chưa thấy xưa nay

Xã tắc từ đây vững bền

Giang sơn từ đây đổi mới

Càn khôn bĩ rồi lại thái

Nhật nguyệt hối rồi lại minh
Ngàn năm vết nhục nhã sạch làu
Muôn thuở nền thái bình vững chắc
Âu cũng nhờ trời đất tổ tông linh thiêng đã lặng thầm phù
trợ;

Than ôi!
Một cỗ nhung y chiến thắng,
Nên công oanh liệt ngàn năm
Bốn phương biển cả thanh bình,
Ban chiếu duy tân khắp chốn.
Xa gần bá cáo,
Ai nấy đều hay.

**Bình Ngô Đại Cáo (1428) là Bài Cáo của ông Nguyễn Trãi viết thay lời Bình Định Vương Lê Lợi, để tuyên cáo kết thúc cuộc kháng chiến chống nhà Minh, giành lại độc lập cho Đại Việt.*

**Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,
Lấy chí nhân để thay cường bạo.**